

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 832 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 của Bộ Ngoại giao

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ các Nghị quyết: số 895/NQ-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước cho Bộ Ngoại giao từ nguồn thu 70% lệ phí lãnh sự được để lại đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; số 324/NQ-UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư xây dựng các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Ngoại giao.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3872/BKHĐT-TH ngày 07 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư và danh mục dự án đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự) giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 cho Bộ Ngoại giao tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Giao chi tiết danh mục dự án và mức vốn kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 của từng dự án nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn từ

nguồn 70% lệ phí lãnh sự giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018; báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng và cả năm kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự năm 2018.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

Điều 3. Giao Bộ Ngoại giao:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 năm 2018.

2. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự theo kế hoạch được giao tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

3. Định kỳ hàng quý gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự năm 2018 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 4. Giao Bộ Tài chính:

1. Hướng dẫn cụ thể trong trường hợp có phát sinh kinh phí do chênh lệch tỷ giá thực tế với tỷ giá tính dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan của Việt Nam ở nước ngoài.

2. Báo cáo tình hình giải ngân 6 tháng và cả năm kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự năm 2018.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

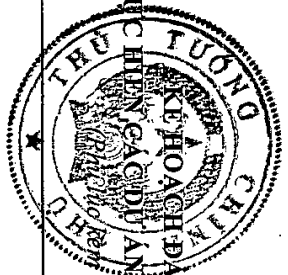
Điều 6. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, CN, QHQT;
- Lưu: VT, KTTH (3b). 41



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN 70% LỆ PHÍ LÃNH SỰ GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ NĂM 2018
ĐỀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BỘ NGOẠI GIAO ⁽¹⁾
(theo Quyết định số 88/L-/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

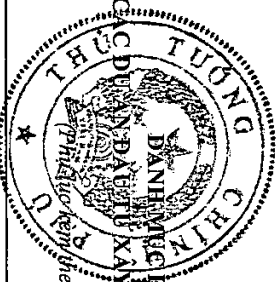
STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự của Bộ Ngoại giao	
		Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng) ⁽²⁾
1	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	125.700.000	2.751.573
a	Phân bổ chi tiết 90%	112.965.426	2.472.813
b	Dự phòng 10%	12.734.574	278.760
2	Kế hoạch năm 2018	26.382.848	577.521

Ghi chú:

(1) Kế hoạch vốn thuộc 125,7 triệu đô la Mỹ kế hoạch năm 2015 từ nguồn thu 70% lệ phí lãnh sự được bổ sung để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện sang giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 324/NQ-UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016.

(2) Tỷ giá giao kế hoạch, thanh toán và quyết toán: 1 USD = 21.890 đồng.

Phụ lục II



ĐỀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN 70% LỆ PHÍ LÃNH SỰ
 DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN 70% LỆ PHÍ LÃNH SỰ
 DỰNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BỘ NGOẠI GIAO GIAI ĐOẠN 2016-2020⁽¹⁾
 Quyết định số 832/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư đã được TTg giao kế hoạch các năm hoặc Quyết định chủ trương đầu tư				Ghi chú
					TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	
	TỔNG SỐ				115.019.426	2.587.937	114.469.426	2.575.562	
A	Phân bổ chi tiết				115.019.426	2.587.937	114.469.426	2.575.562	
A.1	Chuẩn bị đầu tư				744.049	16.741	744.049	16.741	
1	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Cơ quan đại diện Việt Nam tại Ấn Độ	No EP-7A, Chanakpuri, Diplomatic Enclave, New Delhi	2017	1909/QĐ-BNG 04/7/2017	340.112	7.652	340.112	7.652	QB phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư
2	Xây dựng, cải tạo trụ sở và nhà ở Cơ quan đại diện Việt Nam tại Hàn Quốc	Seoul, Hàn Quốc	2017	1908/QĐ-BNG 04/7/2017	343.937	7.739	343.937	7.739	
3	Cải tạo trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia	Bratislava, Slovakia	2018		60.000	1.350	60.000	1.350	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư đã được TTg giao kế hoạch các năm hoặc Quyết định chủ trương đầu tư	TMĐT				Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự		Theo tiền Việt la Mỹ (USD) (tr. đồng)		
						Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)			Theo tiền đô la Mỹ (USD) (tr. đồng)
A.2	Thực hiện dự án					114.275.377	2.571.196	113.725.377	2.558.821	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					114.275.377	2.571.196	113.725.377	2.558.821	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020					114.275.377	2.571.196	113.725.377	2.558.821	
I	Các dự án đã có quyết định đầu tư					99.235.377	2.232.796	98.685.377	2.220.421	
1	Cải tạo trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Hà Lan.	Số 1 Javastrat, La Hay, Hà Lan	2015-2018		536/QĐ-BNG 24/02/2016	1.674.261	37.671	1.674.261	37.671	
2	Xây mới trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Cơ quan đại diện Việt Nam tại Savanakhet.	Ban Phấn-sa-vang Tây, huyện Casong Phonvihan, tỉnh Savanakhet, Lào.	2015-2019		2265/QĐ-BNG 13/5/2016	3.000.000	67.500	3.000.000	67.500	
3	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở CBNV Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Battambang.	Đường số 3, quận Svay Por, Battambang Campuchia	2016-2019		3240/QĐ-BNG 25/8/2016	3.000.000	67.500	3.000.000	67.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư đã được TTg giao kế hoạch các năm hoặc Quyết định chủ trương đầu tư				Ghi chú
					TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn từ nguồn 70% lệ phí lãnh sự		
Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)						
4	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cán bộ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sihanouk Ville, Cam-pu-chia	Số 310, đường Ekreah, tỉnh Preah Sihanouk, Campuchia	2016-2019	3320/QĐ-BNG 06/9/2016	3.000.000	67.500	3.000.000	67.500	
5	Mua và cải tạo trụ sở làm việc Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông và Ma Cao	Hồng Kông	2016-2018	3294/QĐ-BNG 01/9/2016	5.000.000	112.500	5.000.000	112.500	
6	Mua và cải tạo trụ sở đối ngoại Cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan	Warsaw, Ba Lan	2016-2018	3825/QĐ-BNG 25/10/2016	3.500.000	78.750	3.500.000	78.750	
7	Xây mới trụ sở đối ngoại Đại sứ quán Việt Nam tại Lào.	Số 63, đường 23 Singha, Ban Phonsay, quận Saysetha, Viêng-chăn, Lào	2015-2018	2274/QĐ-BNG 16/5/2016	1.500.000	33.750	1.500.000	33.750	
8	Mua đất xây mới trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary.	1146 Budapest, Thokoly Str. 39 - Hungary	2015-2018	3888B/QĐ-BNG 28/10/2016	4.500.000	101.250	4.500.000	101.250	
9	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Cơ quan đại diện Việt Nam tại Ucraina.	Số 51A, Tomana và số 42 Đại lộ Sao đỏ, Kiev	2015-2018	3902b/QĐ-BNG 31/10/2016	1.500.000	33.750	1.500.000	33.750	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư đã được TTg giao kế hoạch các năm hoặc Quyết định chủ trương đầu tư				Ghi chú
					TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo tiền Việt (tr. đồng)		Theo tiền USD	
					Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	
10	Đầu tư mua đất, xây dựng trụ sở CQDD Việt Nam tại Nhật Bản giai đoạn 2-phần xây dựng	Số 1-1-5 Haisudai, quận Shibuya, Tokyo, Nhật Bản	2015-2029	1327/QĐ-BNG 16/5/2017	29.700.000	668.250	29.150.000	655.875	
11	Mua trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia	Bratislava, Slovakia	2017-2018	3064/QĐ-BNG 20/10/2017	3.600.000	81.000	3.600.000	81.000	
12	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Cơ quan đại diện Việt Nam tại Ấn Độ	No. EP-7A, Chanakyapuri, Diplomatic Enclave, New Delhi	2017-2020	3672/QĐ-BNG 15/12/2017	14.509.888	326.473	14.509.888	326.473	
13	Thuê đất, xây mới trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên đại sứ quán Việt Nam tại Úc	Canberra, Úc	2017-2020	3119/QĐ-BNG 26/10/2017	10.245.165	230.516	10.245.165	230.516	
14	Xây dựng, cải tạo trụ sở và nhà ở Cơ quan đại diện Việt Nam tại Hàn Quốc	Seul, Hàn Quốc	2017-2020	3671/QĐ-BNG 15/12/2017	14.506.063	326.386	14.506.063	326.386	
II	Các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định đầu tư				15.040.000	338.400	15.040.000	338.400	
1	Cải tạo trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Phi-lip-pin	670 Pablo Ocampo St, Malte, Manila, Philippines	2015-2019	3756/QĐ-BNG 24/12/2015	2.000.000	45.000	2.000.000	45.000	

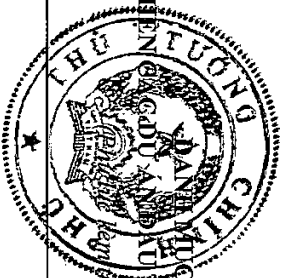
STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư đã được TTg giao kế hoạch các năm hoặc Quyết định chủ trương đầu tư				Ghi chú
					TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	
2	Mua đất làm trụ sở Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka.	Fukuoka, Nhật Bản	2017-2019	1021/QĐ-BNG 31/3/2017	2.500.000	56.250	2.500.000	56.250	
3	Xây mới trụ sở Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka.	Fukuoka, Nhật Bản	2017-2020	1020/QĐ-BNG 31/3/2017	9.500.000	213.750	9.500.000	213.750	
4	Cải tạo trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia	Bratislava, Slovakia	2017-2020	1023/QĐ-BNG 31/3/2017	1.040.000	23.400	1.040.000	23.400	
B	Dự phòng								

Ghi chú:

- (1) Bộ Ngoại giao dự kiến phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 từ số vốn 125,7 triệu đô la Mỹ kế hoạch năm 2015 từ nguồn thu 70% lệ phí lãnh sự được bổ sung để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện sang giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 324/QĐ-UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- (2) Tỷ giá giao kế hoạch, thanh toán và quyết toán: 1 USD = 21.890 đồng.

Phụ lục III

ĐỀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN 70% LỆ PHÍ LÃNH SỰ TỰ XÂY DỰNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BỘ NGOẠI GIAO NĂM 2018 (1)
 Quyết định số 83/L /QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian K/C HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Ghi chú
					TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: nguồn thu 70% lệ phí lãnh sự		
Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)						
	TỔNG SỐ				99.295.377	2.234.146	98.745.377	2.221.771	
1	Chuẩn bị đầu tư				60.000	1.350	60.000	1.350	
	Dự án nhóm C				60.000	1.350	60.000	1.350	
	Cải tạo trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia	Bratislava, Slovakia	2018		60.000	1.350	60.000	1.350	
2	Thực hiện dự án				99.235.377	2.232.796	98.685.377	2.220.421	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018				30.274.261	681.171	30.274.261	681.171	
	Dự án nhóm B				25.600.000	576.000	25.600.000	576.000	
1	Xây mới trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Cơ quan đại diện Việt Nam tại Savanakheth	Ban Phôn-sa-vang Tây, huyện Cayson Phomvhan, tỉnh Savanakheth, Lào.	2015-2019	2265/QĐ-BNG 13/5/2016	3.000.000	67.500	3.000.000	67.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Ghi chú
					TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: nguồn thu 70% lệ phí lãnh sự		
Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đô la Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)						
2	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở CBNV Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Battambang.	Đường số 3, quận Svay Por, Battambang Campuchia	2016-2019	3240/QĐ-BNG 25/8/2016	3.000.000	67.500	3.000.000	67.500	
3	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cán bộ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sihanouk Ville, Cam-pu-chia	Số 310, đường Ekreach, tỉnh Preah Sihanouk, Campuchia	2016-2019	3320/QĐ-BNG 06/9/2016	3.000.000	67.500	3.000.000	67.500	
4	Mua và cải tạo trụ sở làm việc Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông và Ma Cao	Hồng Kông	2016-2018	3294/QĐ-BNG 01/9/2016	5.000.000	112.500	5.000.000	112.500	
5	Mua và cải tạo trụ sở đối ngoại Cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan	Warsaw, Ba Lan	2016-2018	3825/QĐ-BNG 25/10/2016	3.500.000	78.750	3.500.000	78.750	
6	Mua đất xây mới trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary.	1146 Budapest, Thokoly Str. 39 - Hungary	2015-2018	3888B/QĐ-BNG 28/10/2016	4.500.000	101.250	4.500.000	101.250	
7	Mua trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia	Bratislava, Slovakia	2017-2018	3064/QĐ-BNG 20/10/2017	3.600.000	81.000	3.600.000	81.000	
	Dự án nhóm C				4.674.261	105.171	4.674.261	105.171	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Ghi chú
					TMĐT		Trong đó: nguồn thu 70%		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo tiền đó La Mỹ (USD)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền đó La Mỹ (USD)	
1	Cải tạo trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Hà Lan.	Số 1 Javestraat, La Hay, Hà Lan	2015-2018	536/QĐ-BNG 24/02/2016	1.674.261	37.671	1.674.261	37.671	
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Cơ quan đại diện Việt Nam tại Ucraina.	Số 51 A, Tovarna và số 42 Đại lộ Sao đỏ, Kiev	2015-2018	3902b/QĐ-BNG 31/10/2016	1.500.000	33.750	1.500.000	33.750	
3	Xây mới trụ sở đối ngoại Đại sứ quán Việt Nam tại Lào.	Số 63, đường 23 Singha, Bản Phonsay, quận Sasyetha, Viêng-chăn, Lào	2015-2018	1193/QĐ-BNG 03/5/2017	1.500.000	33.750	1.500.000	33.750	
b	Các dự án hoàn thành sau năm 2018				68.961.116	1.551.625	68.411.116	1.539.250	
	Dự án nhóm B				68.961.116	1.551.625	68.411.116	1.539.250	
1	Đầu tư mua đất, xây dựng trụ sở COBDD Việt Nam tại Nhật Bản giai đoạn 2-phần xây dựng	Số 1-1-5 Haisuda, quận Shibuya, Tokyo, Nhật Bản	2015-2019	1327/QĐ-BNG 16/5/2017	29.700.000	668.250	29.150.000	655.875	
2	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Cơ quan đại diện Việt Nam tại Ấn Độ	No. EP-7A, Chanakyapuri, Diplomatic Enclave, New Delhi	2017-2020	3672/QĐ-BNG 15/12/2017	14.509.888	326.473	14.509.888	326.473	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo tiền Việt (tr. đồng)	Theo tiền USD		Theo tiền Việt (tr. đồng)
3	Thuê đất, xây mới trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên đại sứ quán Việt Nam tại Úc	Canberra, Úc	2017-2020	3119/QĐ-BNG 26/10/2017	10.245.165	230.516	10.245.165	230.516	
4	Xây dựng, cải tạo trụ sở và nhà ở Cơ quan đại diện Việt Nam tại Hàn Quốc	Seoul, Hàn Quốc	2017-2020	3671/QĐ-BNG 15/12/2017	14.506.063	326.386	14.506.063	326.386	

Ghi chú:

- (1) Bộ Ngoại giao dự kiến phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 từ số vốn 125,7 triệu đô la Mỹ kế hoạch năm 2015 từ nguồn thu 70% lệ phí lãnh sự được bổ sung để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện sang giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 324/NQ-UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- (2) Tỷ giá giao kế hoạch, thanh toán và quyết toán: 1 USD = 21.890 đồng.